

TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VÀ CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HỒNG *

Toàn cầu hóa kinh tế ngày nay đã trở thành xu thế chung của thời đại mà các quốc gia, dân tộc không thể bỏ qua được. Vậy bản chất, những đặc điểm của toàn cầu hóa kinh tế là gì? Điều này được trình bày tóm lược trong bài viết, cùng với những phân tích sâu sắc về tác động của quá trình này tới nền kinh tế các nước, đặc biệt đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi nước ta ngày càng tham gia sâu rộng vào hội nhập kinh tế quốc tế, để từ đó có nhận thức đúng và những biện pháp phù hợp nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức.

1 - Toàn cầu hóa kinh tế tác động đến các nền kinh tế

Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất đã dẫn đến một xu thế lớn đang chi phối sự phát triển của thế giới hiện đại, đó là quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa (tiếng Anh là Globalization), xét về bản chất là quá trình gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ ảnh hưởng, tác động lẫn nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, chính trị giữa các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Trong các nội dung trên thì toàn cầu hóa kinh tế vừa là trung tâm, vừa là động lực thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa các lĩnh vực khác. Về bản chất, toàn cầu hóa kinh tế là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia và khu vực, tạo ra sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế trong sự vận động phát triển hướng tới một nền kinh tế thế giới hội nhập và thống nhất. Những đặc điểm chủ yếu của toàn cầu hóa kinh tế là:

Tự do hóa các yếu tố của tái sản xuất xã hội mang tính toàn cầu được thể hiện qua tự do hóa

thương mại đang trở thành nội dung quan trọng của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Bằng chứng là, mục tiêu của hầu hết các thể chế kinh tế thương mại song phương và đa phương, đặc biệt là WTO, đều tập trung giải quyết vấn đề tiếp cận thị trường thông qua các cam kết về tự do hóa thương mại. Đây là quá trình dỡ bỏ dần những cản trở trong hoạt động thương mại, xóa bỏ sự phân biệt đối xử, tạo lập sự cạnh tranh bình đẳng, nhằm làm cho hoạt động thương mại trên phạm vi quốc tế ngày càng tự do hơn thông qua việc cắt giảm dần thuế quan; giảm bớt, tiến tới loại bỏ hàng rào phi thuế quan, như hạn ngạch nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu, quản lý ngoại hối, phụ thu hàng nhập khẩu, các loại lệ phí và nhiều cản trở vô hình khác; bảo đảm cạnh tranh công bằng và không phân biệt đối xử.

Đẩy mạnh tự do hóa các hoạt động tài chính và đầu tư quốc tế được đẩy mạnh. Toàn cầu hóa trong lĩnh vực tài chính được đẩy mạnh thông qua việc tự do hóa rộng rãi các giao dịch

* TS, Phó Hiệu trưởng Trường đại học Ngoại thương Hà Nội

tài chính quốc gia và phát triển các thị trường tài chính quốc tế, hướng tới một thị trường tài chính mang tính toàn cầu. Tự do hóa tài chính bao gồm các nội dung cơ bản, như: nới lỏng kiểm soát tín dụng; tự do hóa lãi suất; tự do hóa tham gia hoạt động ngân hàng và các dịch vụ tài chính trên toàn thế giới, không phân biệt biên giới; tự do hóa việc di chuyển của các luồng vốn quốc tế. Quá trình này dẫn đến hệ thống các nền tài chính quốc gia hội nhập và tùy thuộc, tác động lẫn nhau ngày càng mạnh mẽ.

Các công ty đa quốc gia (MNCs) ngày càng đóng vai trò quan trọng và chủ đạo trong các quan hệ kinh tế thế giới. Tính đến năm 2004, toàn thế giới có khoảng 63.000 công ty đa quốc gia với trên 800.000 chi nhánh. Các công ty đa quốc gia hiện chi phối hơn 80% giá trị thương mại quốc tế, chiếm hơn 90% tổng giá trị vốn đầu tư và thành tựu khoa học, công nghệ trên thế giới. Với sức mạnh ngày càng lớn, các công ty đa quốc gia ngày càng mở rộng ảnh hưởng, duy trì và nâng cao quyền lực kiểm soát trong các lĩnh vực quan trọng như tài chính, công nghệ, dịch vụ và lao động. Các công ty xuyên quốc gia chính là một nhân tố cực kỳ quan trọng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Trong hơn một thập kỷ gần đây, các công ty xuyên quốc gia đã tăng cường hoạt động mua lại và sáp nhập (M & A), hình thành các công ty quốc tế khổng lồ có ảnh hưởng ngày càng lớn đến quá trình phân công lao động quốc tế.

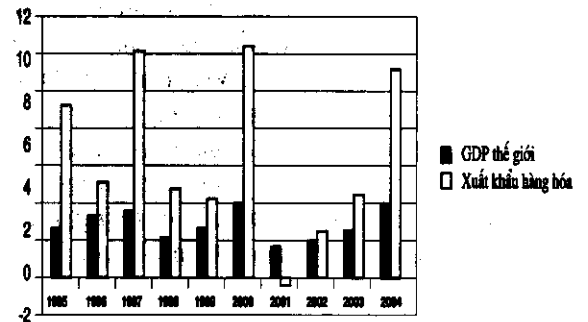
Hình thành ngày càng nhiều tổ chức liên kết kinh tế quốc tế ở những cấp độ khác nhau (khu vực và thế giới) và vai trò quan trọng của WTO trong quá trình toàn cầu hóa.

Trong những thập kỷ gần đây, nền kinh tế thế giới đã chứng kiến sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của các hoạt động liên kết kinh tế quốc tế. Quá trình liên kết kinh tế quốc tế diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau, từ liên kết tam giác, tứ giác phát triển đến liên kết khu vực như EU, ASEAN, NAFTA, MECOSUR,.. liên khu vực như APEC, ASEM và liên kết toàn cầu. Trong đó, liên kết khu vực đóng vai trò quan trọng. Nếu năm 1956 đánh dấu sự ra đời của liên kết

khu vực đầu tiên là Cộng đồng kinh tế châu Âu, thì trong thập kỷ 80 và 90 và của thế kỷ XX, liên kết kinh tế khu vực đã trở thành làn sóng lan khắp các châu lục. Hiện nay trên toàn thế giới có khoảng 24 tổ chức liên kết kinh tế khu vực có quy mô lớn với những mức độ quan hệ khác nhau. Tầm ảnh hưởng của chúng đến mức hầu như không có quốc gia nào không là thành viên của một liên kết kinh tế quốc tế, nhiều quốc gia đồng thời là thành viên của nhiều tổ chức liên kết kinh tế khác nhau. Và, nếu khi mới ra đời, GATT chỉ có 23 thành viên với lĩnh vực điều tiết chủ yếu là trong thương mại hàng hóa và còn giới hạn ở vấn đề thuế quan, thì đến cuối năm 2005, WTO (tổ chức thay thế cho GATT trước đây) đã là một tổ chức với gần 150 thành viên, điều tiết hầu hết các lĩnh vực, khía cạnh của thương mại quốc tế.

Toàn cầu hóa đã thúc đẩy kinh tế phát triển với tốc độ cao, nếu nửa đầu thế kỷ XX, tổng GDP của thế giới tăng 2,7 lần, thì đến nửa cuối thế kỷ, tổng GDP thế giới đã tăng 5,2 lần. Đầu năm 1950, tỷ trọng thương mại trong GDP toàn cầu là 7%, thì hiện nay đã tăng lên hơn 50%. Năm 2004, tổng giá trị thương mại toàn cầu đạt hơn 22.267 tỉ USD, làm cho thương mại thực sự trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Biểu đồ sau đây cho thấy mức tăng trưởng GDP và xuất khẩu hàng hóa thế giới trong 10 năm sau khi WTO ra đời.

Biểu đồ: Tăng trưởng GDP và xuất khẩu hàng hóa của thế giới thời kỳ 1995 - 2004



Nguồn: www.wto.org

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến việc những hàng rào kinh tế ngăn cách giữa các quốc gia dần được dỡ bỏ, điều này đã mở ra những cơ hội thị trường to lớn cho tất cả các nước, mà trước hết là thị trường xuất - nhập khẩu.

Trong nền kinh tế toàn cầu, cùng với các quan hệ trao đổi hàng hóa dịch vụ tăng lên mạnh mẽ là sự gia tăng nhanh chóng các dòng lưu chuyển của vốn đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... được đẩy mạnh. Vì vậy, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, các quốc gia có cơ hội to lớn trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tiếp nhận được các công nghệ, kỹ thuật hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới, rút ngắn khoảng cách tụt hậu.

Đối với các nước đang phát triển, toàn cầu hóa kinh tế đã tạo điều kiện cho các quốc gia nhanh chóng tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế. Từ đó hình thành nên một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, rút ngắn được tiến trình hiện đại hóa. Xu hướng phân công lao động quốc tế ngày nay đã chuyển dịch từ chiều dọc sang phân công lao động theo chiều ngang, phân công theo chi tiết, theo quy trình sản xuất. Chẳng hạn, việc sản xuất máy bay của hãng Boeing ở Mỹ có các chi tiết được chế tạo từ gần 100 quốc gia khác nhau.

Những tác động tiêu cực:

Về mặt lý thuyết, toàn cầu hóa kinh tế mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, trên thực tế lợi ích của quá trình này phân chia không đều, nó phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh kinh tế của mỗi quốc gia. Nói cách khác, toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến sự phân phối không công bằng các cơ hội và lợi ích kinh tế giữa các khu vực, quốc gia và từng nhóm dân cư. Vì vậy, nó làm gia tăng thêm tình trạng bất bình đẳng, làm sâu sắc thêm sự phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia. Hiện nay các quốc gia phát triển chỉ chiếm 19% dân số thế giới nhưng lại nắm 71% khối lượng trao đổi buôn bán, tài sản và dịch vụ, 58% đầu tư trực tiếp nước ngoài và 91% người sử dụng mạng In-tơ-nét.

Toàn cầu hóa kinh tế có thể mang đến những tác động xấu tới nền kinh tế các quốc gia, kể cả

quốc gia giàu lẫn nghèo. Bởi vì, nó đưa đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, nảy sinh vấn đề phá sản, thất nghiệp, làm trầm trọng thêm các vấn đề về lao động, xã hội. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế càng phát triển thì tỷ lệ thất nghiệp lại càng gia tăng ở một số quốc gia. Phong trào chống lại toàn cầu hóa đang diễn ra khá mạnh mẽ, nhất là nhóm dân cư chịu nhiều tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, như nông dân, các chủ trang trại... :-

Các nước đang phát triển hiện đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và không bình đẳng trong các quan hệ kinh tế - thương mại. Tham gia tự do hóa thương mại buộc tất cả các nước phải chấp nhận "luật chơi" tự do cạnh tranh, nghĩa là phải mở cửa thị trường, dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa và dịch vụ nước ngoài, loại bỏ các hạn chế đầu tư. Trong điều kiện hầu hết các nền kinh tế của các nước đang phát triển còn đang ở một trình độ thấp kém thì chính sự tự do cạnh tranh này đặt họ trước những thách thức vô cùng to lớn. Chẳng hạn, 20 triệu chiếc áo sơ mi xuất khẩu mới có thể mua được 1 máy bay Airbus hạng trung, trong lúc các mặt hàng công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao lại thường được cắt giảm thuế quan sớm hơn cả.

Toàn cầu hóa kinh tế mở ra cơ hội tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, song chính điều đó lại bao hàm khả năng phụ thuộc rất lớn vào bên ngoài của các quốc gia. Mức độ phụ thuộc này thể hiện trên hai chỉ tiêu chính là tỷ trọng thương mại trong tổng GDP và tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài, nhất là vốn ngắn hạn trong tổng vốn đầu tư phát triển. Sự lệ thuộc này dồn các nước vào tình thế phải đối mặt với nhiều rủi ro do biến động thị trường, giá cả, thậm chí cả các sự cố về xung đột chính trị, sắc tộc ở một nơi nào đó trên thế giới.

Toàn cầu hóa kinh tế có thể đưa lại những hậu quả xấu về môi trường sống và xã hội. Bởi vì, việc mở cửa nhằm tiếp nhận các nguồn lực, các thành tựu khoa học công nghệ, thiết bị máy móc và những nguồn vốn đầu tư của thế giới để phát triển, bản thân nó cũng tiềm ẩn những mặt

bất lợi: sự xâm nhập công nghệ lạc hậu, nạn ô nhiễm môi trường, các tệ nạn xã hội, sự bất bình đẳng trong xã hội gia tăng.

2 - Những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Cơ hội thị trường quốc tế sẽ ngày càng rộng mở cho các doanh nghiệp cùng với tiến trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế. Thực tiễn những năm đổi mới đã chứng minh rõ điều này. Trong giai đoạn từ năm 1996 - 2005, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng trưởng mạnh mẽ, đạt mức trung bình 17,5% năm, giá trị xuất khẩu đã tăng gấp gần 5 lần, từ 7,2 tỉ USD (năm 1996) lên 32,2 tỉ USD (năm 2005), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền thương mại phát triển ở mức trung bình trên thế giới. Và, kể từ sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực (tháng 12-2001), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng hơn 7 lần, từ 1,053 tỉ USD năm 2001, lên 6,5 tỉ USD năm 2005.

Các doanh nghiệp tiếp cận được với đầu vào nhập khẩu rẻ hơn sẽ tạo điều kiện giảm bớt chi phí, tăng khả năng cạnh tranh. Trong điều kiện Nhà nước thực hiện bảo hộ đối với một ngành sẽ dẫn đến giá hàng hóa của ngành đó cao hơn so với thị trường và vì thế những ngành có liên quan, đặc biệt là những ngành sử dụng sản phẩm của ngành được bảo hộ làm nguyên liệu sản xuất sẽ phải chịu chi phí đầu vào lớn. Nhưng nhờ việc bãi bỏ các rào cản đối với các luồng lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, vốn đầu tư,... giá của các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh sẽ có xu hướng giảm do không phải/hoặc giảm bớt các chi phí cho việc nhập khẩu. Do vậy, tự do hóa thương mại góp phần giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp. Thương mại tự do còn cho phép các doanh nghiệp giảm các chi phí giao dịch, kinh doanh nhờ các nguyên tắc chung được thống nhất.

Hội nhập kinh tế quốc tế góp phần nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp. Trong tiến trình hội nhập, sự bảo hộ của Nhà nước đối với doanh nghiệp sẽ phải giảm dần theo các cam kết quốc tế, làm gia tăng mạnh mẽ áp lực cạnh tranh từ bên ngoài, đây là một thách thức rất lớn, nhưng cũng là cơ hội để doanh nghiệp tự vươn lên khẳng định mình. Bởi vì, việc giảm bớt sự bảo hộ của Nhà nước sẽ tạo sức ép và động lực để các doanh nghiệp Việt Nam buộc phải đổi mới quản lý, công nghệ, cải tiến sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh mới có thể tồn tại trên thị trường.

Các doanh nghiệp có được môi trường kinh doanh thuận lợi và ổn định kể cả trên thị trường thế giới và trong nước. Các nguyên tắc, quy định của các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế đều bảo đảm cho các doanh nghiệp có được cơ hội tiếp cận thị trường xuất khẩu, đầu tư và sản xuất, kinh doanh với các điều kiện ổn định, minh bạch và có khả năng dự đoán trước.

Hội nhập kinh tế quốc tế còn tạo nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận công nghệ, kỹ thuật hiện đại, học hỏi những kinh nghiệm quản lý sản xuất, kinh doanh tiên tiến của các nước, từ đó góp phần nâng cao năng lực quản lý và sản xuất kinh doanh.

Tuy vậy, trong quá trình hội nhập, các cơ hội và thách thức luôn đan xen nhau. Bên cạnh những cơ hội và thuận lợi nói trên, tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, đó là:

- Các doanh nghiệp sẽ phải chịu gia tăng sức ép cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu và các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài ngay tại thị trường nội địa. Bởi vì, khi hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, thị trường nội địa phải "mở cửa", các rào cản thuế quan cũng như phi thuế quan bị giảm bớt và loại bỏ, các doanh nghiệp nước ngoài được tự do tham gia buôn bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ như doanh nghiệp trong nước trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử. Bên cạnh đó, các hình thức hỗ trợ truyền thống rất phổ biến của Nhà nước cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế bao cấp như:

trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tín dụng xuất khẩu ưu đãi, thưởng xuất khẩu, độc quyền kinh doanh... cũng phải từng bước cắt giảm, xóa bỏ. Trong khi các hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu do nước ngoài cung cấp đa dạng, phong phú với chất lượng và giá cả thấp hơn, các nhà cung cấp “trường vốn” hơn và dày dặn kinh nghiệm trong cạnh tranh quốc tế, chưa nói tới tâm lý chung của người tiêu dùng vẫn chủ yếu là “sinh hàng ngoại”. Nhiều doanh nghiệp trong nước có nguy cơ bị mất thị phần của mình, thậm chí bị phá sản.

- Khó khăn rất lớn đối với các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập là khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu so với các nước trong khu vực và thế giới. Điều này được phản ánh ở hàm lượng tri thức và công nghệ trong sản phẩm thấp, yếu tố vốn trong cơ cấu giá thành sản phẩm không cao, chủ yếu dựa vào yếu tố lao động hoặc điều kiện tự nhiên, trong khi lợi thế về lao động hiện nay đang giảm dần. Chất lượng hàng hóa, dịch vụ nhìn chung chưa tốt; chưa đa dạng phong phú về chủng loại; chưa có sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ nào có ưu thế rõ rệt trên thị trường thế giới nhờ vào chất lượng và những thương hiệu mạnh...

- Trình độ công nghệ và trang thiết bị, máy móc của các doanh nghiệp lạc hậu. Hiện nay tỷ trọng số doanh nghiệp công nghiệp thuộc nhóm ngành công nghệ cao chỉ có 20,6% (thấp nhất trong số các nước ASEAN, trừ Lào, Cam-pu-chia và My-an-ma), nhóm ngành công nghệ trung bình 20,7%, còn thuộc nhóm ngành công nghệ thấp chiếm tới 58,7%, dẫn tới năng suất lao động thấp, tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu nhiều, hiệu quả thấp, giá thành sản xuất của nhiều sản phẩm cao hơn giá nhập khẩu.

- Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, trừ một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phần lớn (90%) là doanh nghiệp nhỏ và vừa với tiềm lực rất hạn chế về tài chính, lại khó tiếp cận được các nguồn vốn chính thức, thường phải vay từ các nguồn không chính thức với lãi suất cao, nên chi phí vốn trở nên đắt đỏ, hạn chế việc đầu tư đổi mới công nghệ và mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Khả năng nắm bắt thông tin thị trường và thích ứng với những yêu cầu, thay đổi của thị trường quốc tế còn hạn chế, nên cản trở những cơ hội thị trường do quá trình hội nhập mang lại. Theo kết quả một cuộc điều tra của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam về năng lực xuất khẩu và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, chỉ có 23,8% doanh nghiệp có hàng xuất khẩu, 13,7% doanh nghiệp có triển vọng xuất khẩu và 62,5% hoàn toàn chưa có khả năng tham gia xuất khẩu.

- Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hình thành, hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế chưa hoàn chỉnh cũng là một khó khăn không nhỏ đối với các doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, cùng với việc thị trường xuất khẩu được rộng mở, hàng hóa của Việt Nam ngày càng vươn rộng ra thị trường quốc tế, thì nguy cơ phải đối mặt với những vụ kiện chống bán phá giá của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam cũng càng tăng lên. Theo thống kê, từ năm 1994 - 2005, các doanh nghiệp Việt Nam đã phải đối phó với 25 vụ kiện chống bán phá giá của các nước. Điển hình là những vụ kiện chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu liên quan đến mặt hàng cá da trơn, mặt hàng tôm, xe đạp, giày, mũ da...

Tóm lại, toàn cầu hóa kinh tế là xu hướng phát triển khách quan, mang tính quy luật trong quá trình phát triển của nền kinh tế thế giới. Toàn cầu hóa kinh tế đang tác động sâu sắc đến nền kinh tế của tất cả các quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế mang lại những cơ hội phát triển to lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng cũng đặt các doanh nghiệp trước những thách thức, khó khăn không nhỏ. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc để có những giải pháp phù hợp nhằm tận dụng được những cơ hội, vượt qua thách thức, biến những thách thức thành cơ hội để phát triển, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đứng vững trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. □